

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 113/2024/DS-ST

Ngày 06 – 6 – 2024

V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Việt Khái

2. Ông Nguyễn Minh Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 103/2024/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Bào C, xã V, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Trần Văn C (nguyên đơn) trình bày:

Ngày 26/5/2023, anh có cho vợ chồng anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị B vay số tiền 250.000.000 đồng và vợ chồng anh Đ có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 251581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho anh Đ, chị B vào ngày 03/3/2021 cho anh để làm tin. Đến ngày 26/8/2023, vợ chồng anh Đ tiếp tục vay thêm số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền vợ chồng anh Đ vay hai lần là 300.000.000 đồng, khi vay giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm biên nhận và việc vợ chồng anh Đ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho anh cũng không làm hợp đồng hay giấy tờ gì. Quá trình vay, vợ chồng anh Đ không trả vốn và lãi nên anh khởi kiện yêu cầu anh Đ, chị B trả cho anh một lần hết số tiền nợ vay 300.000.000 đồng và anh sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho anh Đ, chị B. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì khác.

Đối với anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị B (bị đơn), Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần nhưng anh Đ cùng chị B không đến Tòa, không gửi văn bản đề nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh thời gian vay, số tiền vốn vay, số tiền lãi đã trả (nếu có) và số tiền còn nợ nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bởi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh là của đương sự. Mặc dù, khi vay giữa các đương sự không làm giấy tờ gì nhưng nguyên đơn hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 251581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp cho bị đơn vào ngày 03/3/2021 là có thật và việc giữ giấy trên, nguyên đơn thừa nhận chỉ để nguyên đơn tin tưởng cho bị đơn vay tiền bởi giữa các bên không ký hợp đồng thế chấp hay cầm cố tài sản là quyền sử dụng đất, nguyên đơn cũng không quản lý, sử dụng đất được cấp cho bị đơn. Do đó, lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[4] Về thời gian thanh toán, nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn C.

Buộc anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị B trả cho anh Trần Văn C số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu nghìn đồng).

Kể từ ngày anh Trần Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Thị B không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Anh Trần Văn C có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị B bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 251581 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp vào ngày 03/3/2021 đứng tên anh Đ, chị B khi anh Đ, chị B thanh toán xong số tiền nợ cho anh C.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị B phải chịu số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng, chưa nộp).

Anh Trần Văn C không phải chịu. Ngày 26/3/2024, anh C đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003332 được trả lại toàn bộ cho anh C.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân